

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 22



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 30/05/2017)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 30/05/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



M.Đ. N: 010581156  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
APAX HOLDINGS  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Vũ Cẩm La Hương**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017





Số: 282/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/08/2017, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Các vấn đề khác**

Như trình bày tại Thuyết minh số 09, phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Trong kỳ, Công ty đã đầu tư góp vốn bổ sung tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với số tiền 457.991.000.000 VND (tương đương 19.290.800 cổ phần, giá trung bình 23.741,42 đồng/cổ phiếu).

Như trình bày tại Thuyết minh số 27, phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 29/03/2017 của Hội đồng Quản trị về việc sửa đổi phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2017.



**Bùi Ngọc Bình**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

**Văn phòng Hồ Chí Minh**  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

**Văn phòng Hải Phòng**  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.555.192.710</b>	<b>42.692.196.242</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.579.673.787</b>	<b>2.225.444.575</b>
1. Tiền	111	4	8.579.673.787	2.225.444.575
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>975.518.923</b>	<b>40.466.751.667</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	720.000.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	110.000.000	40.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	145.518.923	466.751.667
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>743.362.141.412</b>	<b>284.886.927.645</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>768.919.623</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	768.919.623	-
- Nguyên giá	222		802.350.909	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.431.286)	-
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>742.502.530.000</b>	<b>284.853.700.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		741.991.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	284.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	853.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.570.000)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>90.691.789</b>	<b>33.227.645</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	90.691.789	33.227.645
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>752.917.334.122</b>	<b>327.579.123.887</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>395.185.860.988</b>	<b>3.002.518.673</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>395.185.860.988</b>	<b>3.002.518.673</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	3.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	11.636.868.660	2.785.479.887
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		198.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	258.145.612.328	164.038.786
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	125.155.380.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>357.731.473.134</b>	<b>324.576.605.214</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>357.731.473.134</b>	<b>324.576.605.214</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.010.600.000	313.010.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.010.600.000	313.010.600.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.720.873.134	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.566.005.214	(298.875.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.154.867.920	11.864.880.343
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>752.917.334.122</b>	<b>327.579.123.887</b>



Vũ Cẩm La Hương  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34.049.200.000	11.598.970.340
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	34.049.200.000	11.598.970.340
4. Giá vốn hàng bán	11	17	234.027.600	11.525.270.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.815.172.400	73.699.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	8.847.428.672	1.393.489.882
7. Chi phí tài chính	22	19	320.108.279	228.194.338
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.791.667	6.611.576
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	872.821.528	727.497.338
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		41.469.671.265	511.498.106
10. Thu nhập khác	31		12.413.636	-
11. Chi phí khác	32		1	9
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		12.413.635	(9)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.482.084.900	511.498.097
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	8.327.216.980	42.524.595
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		33.154.867.920	468.973.502
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.059,23	74,43



Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	84.656.775.000	12.496.867.365
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(39.924.660.824)	(12.839.248.946)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(416.546.000)	(268.620.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(340.000)	(6.611.576)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.785.230.592)	(106.270.711)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40.043.080.000	1.407.487.231
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(232.876.795)	(882.872.769)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>81.340.200.789</b>	<b>(199.269.406)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(802.350.909)	(24.414.894.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	366.300.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(804.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	316.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(199.852.100.000)	(11.643.191.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	254.600.000	32.189.091.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.428.672	68.745.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(200.029.122.237)</b>	<b>(4.288.749.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	228.618.468.126	35.445.912.563
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(103.575.317.466)	(36.323.132.914)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>125.043.150.660</b>	<b>(877.220.351)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>6.354.229.212</b>	<b>(5.365.238.757)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.225.444.575</b>	<b>30.694.690.503</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8.579.673.787</b>	<b>25.329.451.746</b>



Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 21/03/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 313.010.600.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 68,91%.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 79,87% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	115.492.231	171.923.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.464.181.556	2.053.520.836
	<b>8.579.673.787</b>	<b>2.225.444.575</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>720.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	150.000.000	-
Ban quản lý các dự án - CN Tập đoàn viễn thông quân đội	120.000.000	-
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>600.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	150.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>110.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	110.000.000	-
<i>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>40.000.000.000</i>
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải	-	40.000.000.000

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>145.518.923</i>	<i>-</i>	<i>466.751.667</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	31.900.000	-	73.000.000	-
Phải thu khác	113.618.923	-	393.751.667	-
- Ông Nguyễn Trường Sơn	112.229.340	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.389.583	-	393.751.667	-

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện	Tổng cộng
	vận tải truyền dẫn	VND
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do mua sắm	802.350.909	802.350.909
Số dư cuối kỳ	802.350.909	802.350.909
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong kỳ	33.431.286	33.431.286
Số dư cuối kỳ	33.431.286	33.431.286
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối kỳ	768.919.623	768.919.623



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- <b>Đầu tư vào công ty con</b>	741.991.000.000	-	741.991.000.000	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	741.991.000.000	-	741.991.000.000	-
- <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	-	-	-	-
- <b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	599.100.000	(87.570.000)	511.530.000	853.700.000
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(87.570.000)	37.530.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>742.590.100.000</b>	<b>(87.570.000)</b>	<b>742.502.530.000</b>	<b>284.853.700.000</b>

Ghi chú: (i) Trong kỳ Công ty đã đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, tổng số vốn đầu tư tăng thêm là 457.991.000.000 VND, tương đương 19.290.800 cổ phần. Vốn tăng thêm là do Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax phát hành cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 VND/cổ phần, Công ty đã mua 11.717.000 cổ phần và Công ty nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của ông Đặng Văn Hiến, ông Đặng Văn Dương và bà Lê Minh Phương với giá 45.000 VND/cổ phần, số lượng 7.573.800 cổ phần (Thông tin về việc góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax chi tiết tại Thuyết minh số 27).

**b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	23.290.800	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>90.691.789</b>	<b>33.227.645</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	90.691.789	33.227.645

**11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lái	50.000.000	50.000.000

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	249.295	3.308.262.097	249.295	3.308.262.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.785.230.592	8.327.216.980	2.785.230.592	8.327.216.980
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.389.583	-	1.389.583
Các loại thuế khác	-	5.500.000	5.500.000	-
	<b>2.785.479.887</b>	<b>11.642.368.660</b>	<b>2.790.979.887</b>	<b>11.636.868.660</b>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>258.145.612.328</b>	<b>164.038.786</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.145.612.328	164.038.786
- Lãi vay phải trả Egroup	6.712.328	6.712.328
- Bà Lê Minh Phương (i)	161.878.500.000	-
- Ông Đặng Văn Dương (i)	96.260.400.000	-
- Các đối tượng khác	-	157.326.458
<b>b) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>6.712.328</b>	<b>6.712.328</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	6.712.328	6.712.328

Ghi chú: (i) Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax theo Hợp đồng số 04-OTC/2017/HĐMB ngày 20/06/2017 và Hợp đồng số 03-OTC/2017/HĐMB ngày 20/06/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>125.155.380.000</b>	<b>125.155.380.000</b>	<b>228.730.697.466</b>	<b>103.575.317.466</b>	-	-
Công ty chứng khoán MB	-	-	33.754.559.779	33.754.559.779	-	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sacombank	-	-	27.416.057.687	27.416.057.687	-	-
Nguyễn Mạnh Phú (i)	33.025.380.000	33.025.380.000	49.130.080.000	16.104.700.000	-	-
Nguyễn Ngọc Thùy (i)	31.000.000.000	31.000.000.000	-	-	-	-
Nguyễn Ngọc Khánh (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-
Nguyễn Thị Thanh Nhân (i)	29.170.000.000	29.170.000.000	-	-	-	-
Nguyễn Trường Sơn (i)	-	-	26.300.000.000	26.300.000.000	-	-
Trần Thanh Hải (ii)	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	-	-	-
<b>b) Vay ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>95.985.380.000</b>	<b>95.985.380.000</b>	<b>112.090.080.000</b>	<b>16.104.700.000</b>	-	-
Nguyễn Mạnh Phú (i)	33.025.380.000	33.025.380.000	49.130.080.000	16.104.700.000	-	-
Nguyễn Ngọc Thùy (i)	31.000.000.000	31.000.000.000	-	-	-	-
Nguyễn Ngọc Khánh (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-
Trần Thanh Hải (ii)	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn 2 tháng, lãi suất 0%/năm, vay không có tài sản đảm bảo. Mục đích sử dụng khoản vay để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn ông Trần Thanh Hải - Tổng Giám đốc Công ty theo 03 hợp đồng vay vốn:
- Hợp đồng vay vốn số 1204/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 12/04/2017, số tiền 410.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm, vay không có tài sản đảm bảo;
  - Hợp đồng số 01/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 02/02/2017, số tiền 1.150.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5,8%/năm, vay không có tài sản đảm bảo; và
  - Hợp đồng số 2806/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 28/06/2017, số tiền 400.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm, vay không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	63.010.600.000	(298.875.129)	62.711.724.871
Tăng vốn góp trong năm	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Lãi trong năm	-	11.864.880.343	11.864.880.343
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>313.010.600.000</b>	<b>11.566.005.214</b>	<b>324.576.605.214</b>
Lãi trong kỳ	-	33.154.867.920	33.154.867.920
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>313.010.600.000</b>	<b>44.720.873.134</b>	<b>357.731.473.134</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	250.000.000.000	250.000.000.000
Ông Trần Thanh Hải	32.760.000.000	32.760.000.000
Các đối tượng khác	30.250.600.000	30.250.600.000
<b>Cộng</b>	<b>313.010.600.000</b>	<b>313.010.600.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	313.010.600.000	63.010.600.000
- Vốn góp đầu kỳ	313.010.600.000	63.010.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	313.010.600.000	63.010.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.301.060	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	31.301.060
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>34.049.200.000</b>	<b>11.598.970.340</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	11.598.970.340
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.049.200.000	-
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech	1.500.000.000	-

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	11.525.270.440
Giá vốn cung cấp dịch vụ	234.027.600	-
	<b>234.027.600</b>	<b>11.525.270.440</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.428.672	77.489.882
Lãi bán các khoản đầu tư	8.843.000.000	1.216.000.000
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	100.000.000
	<b>8.847.428.672</b>	<b>1.393.489.882</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.791.667	6.611.576
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	81.874.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	87.570.000	-
Chi phí tài chính khác	204.746.612	139.708.762
	<b>320.108.279</b>	<b>228.194.338</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	436.645.900	305.671.625
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.508.584	5.554.425
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.431.286	18.499.998
Thuế, phí và lệ phí	5.500.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.480.555	191.843.439
Chi phí bằng tiền khác	203.255.203	201.927.851
	<b>872.821.528</b>	<b>727.497.338</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	670.673.500	305.671.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.431.286	18.499.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.989.139	197.397.864
Chi phí khác bằng tiền	208.755.203	205.927.851
	<b>1.106.849.128</b>	<b>727.497.338</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.482.084.900</b>	<b>511.498.097</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	154.000.000	(298.875.129)
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>154.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>-</i>	<i>(298.875.129)</i>
Thu nhập chịu thuế	41.636.084.900	212.622.968
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.327.216.980</b>	<b>42.524.595</b>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 154.000.000 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	33.154.867.920	468.973.502
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.154.867.920	468.973.502
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	31.301.060	6.301.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.059,23	74,43
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là dịch vụ tư vấn, không có hoạt động kinh doanh thứ yếu khác, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội, không phát sinh ở địa bàn nào khác, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	125.155.380.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.579.673.787)	(2.225.444.575)
Nợ thuần	116.575.706.213	-
Vốn chủ sở hữu	357.731.473.134	324.576.605.214
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>32,6%</b>	<b>0,0%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.579.673.787	2.225.444.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	833.618.923	393.751.667
Đầu tư tài chính dài hạn	511.530.000	853.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.924.822.710</b>	<b>3.472.896.242</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	125.155.380.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	258.145.612.328	167.038.786
<b>Tổng cộng</b>	<b>383.498.992.328</b>	<b>167.038.786</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.579.673.787	-	8.579.673.787
Phải thu khách hàng và phải thu khác	833.618.923	-	833.618.923
Đầu tư tài chính dài hạn	-	511.530.000	511.530.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.413.292.710</b>	<b>511.530.000</b>	<b>9.924.822.710</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	125.155.380.000	-	125.155.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	258.145.612.328	-	258.145.612.328
<b>Tổng cộng</b>	<b>383.498.992.328</b>	<b>-</b>	<b>383.498.992.328</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(374.085.699.618)</b>	<b>511.530.000</b>	<b>(373.574.169.618)</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.225.444.575	-	2.225.444.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	393.751.667	-	393.751.667
Đầu tư tài chính dài hạn	-	853.700.000	853.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.619.196.242</b>	<b>853.700.000</b>	<b>3.472.896.242</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	167.038.786	-	167.038.786
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.038.786</b>	<b>-</b>	<b>167.038.786</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.452.157.456</b>	<b>853.700.000</b>	<b>3.305.857.456</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 30/06/2017 ở mức cao, tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng ngay sau khi hoàn thành việc tăng vốn (phát hành cho cổ đông hiện hữu và đấu giá cổ phiếu ra công chúng dự kiến hoàn thành ngày 10/08/2017). Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài khoản phải thu, phải trả và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 5 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 6 - Trả trước cho người bán, Thuyết minh số 13 - Phải trả khác, Thuyết minh số 14 - Vay và nợ thuê tài chính, Thuyết minh số 16 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc	348.117.000	136.725.000
	<b>348.117.000</b>	<b>136.725.000</b>

**27. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 29/03/2017, Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 30.078.940 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành là 300.789.400.000 VND và phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá là 7.500.000 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến là 150.000.000.000 VND. Phương án sử dụng vốn sau điều chỉnh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK ngày 12/04/2017 như sau:

- Đầu tư mua bổ sung 7.573.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với số tiền là 340.821.000.000 VND, tương đương 45.000 VND/ cổ phiếu;
- Đầu tư góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten với số tiền là 60.900.000.000 VND;
- Đầu tư góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Công nghệ làm đẹp Manispa với số tiền là 9.000.000.000 VND;
- Bổ sung vốn lưu động cho Công ty với số tiền là 40.000.000.000 VND.

Theo kết quả đấu giá cổ phiếu ngày 21/7/2017 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng khối lượng đấu giá thành công là 7,5 triệu cổ phiếu, với tổng giá trị là 165 tỷ đồng.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.



*[Signature]*  
Vũ Cẩm La Hương  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

*[Signature]*  
Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Nguyễn Thị Hải  
Người lập